

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- _ Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**
- _ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301325347
- _ Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng).
- _ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 88.549.969.661 đồng (Tám mươi tám tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi một đồng).
- _ Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- _ Số điện thoại: (08) 38554645
- _ Số fax: (08) 38564307
- _ Website: stb.com.vn
- _ Mã số cổ phiếu: STC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

_ Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày thành lập:

Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số 290/QĐ-UB ngày 28/12/1984 của UBND TP.HCM, từ sự hợp nhất của Phòng Phát hành – Thư viện và Trung tâm Thiết Bị Trường Học thuộc Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM.

Ngày 12/3/1993, công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM được chuyển thành doanh nghiệp Nhà Nước thuộc UBND TP.HCM – Đơn vị chủ quản là Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân theo quyết định số 92/QĐ-UB của UBND TP.HCM và giấy đăng ký kinh doanh số: 102459 do Trọng tài Kinh tế cấp ngày 20/3/1993.

Năm 2001, thực hiện chủ trương của UBND TP.HCM về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà Nước theo quyết định số 4949/QĐ-UB ngày 09/8/2001, xí nghiệp Học CỤ và xí nghiệp In Chuyên Dùng đã sáp nhập và công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM, hoạt động trên cơ sở tổng hợp chức năng của 3 đơn vị trước sáp nhập thành một.

+ Thời điểm niêm yết:

Sau thời gian gần 6 tháng hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, ngày 27/12/2006, công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đã chính thức giao dịch cổ phiếu ngày đầu tiên trên thị trường chứng khoán, tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là STC:

- . Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số: 63/TTGDHN-ĐKGD ngày 06/12/2006, do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.
- . Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số: 55/2006/GCNCP-TTLK ngày 21/12/2006, do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp.

– Những sự kiện quan trọng:

- . Thực hiện quyết định số 131/2005/QĐ-TTg ngày 02/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà Nước thuộc UBND TP.HCM sang hình thức công ty cổ phần.
- . Sau khi UBND TP.HCM ra quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 31/8/2005 về phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM, đến ngày 23/12/2005 UBND TP.HCM ra quyết định số 6500/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM trực thuộc Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM thành công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM.
- . Ngày 04/7/2006, công ty chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp. Trước đó, ngày 14/4/2006, UBND TP.HCM ra quyết định số 1747 về việc chuyển công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM về Nhà xuất bản Giáo Dục (thuộc Bộ Giáo Dục và Đào Tạo) để hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Sau đó, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ra quyết định số 4336/QĐ-BGDĐT tiếp nhận công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM về trực thuộc Nhà xuất bản Giáo Dục.
- . Ngày 10/4/2007, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 1 để bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- . Ngày 09/6/2008, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 2 để bổ sung vốn điều lệ từ 28.800.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng) thành 56.655.300.000 đồng (năm mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng).
- . Ngày 18/10/2008, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 3 để bổ sung thành lập các cửa hàng: Cửa hàng Sách và Thiết Bị Trường Học Phú Nhuận và Cửa hàng Nguyễn Tri Phương.
- . Ngày 05/02/2010, công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 4 để bổ sung thành lập Cửa hàng Sách và Thiết Bị Trường Học Bình Thạnh.

– Các sự kiện khác

Trong quá trình hoạt động, công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đã đạt được một số thành tích:

- + Năm 1983: Huân chương lao động hạng Ba do Nhà Nước trao tặng.
- + Năm 1988: Huân chương lao động hạng Nhì do Nhà Nước trao tặng.
- + Năm 1996: Huân chương lao động hạng Nhất do Nhà Nước trao tặng.
- + Năm 1993 đến nay: Công ty luôn được xếp loại doanh nghiệp loại 1.
- + Năm 2000: Công ty được bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.
- + Năm 2006: Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 148/QĐ-TCNS ngày 10/02/2007.
- + Năm 2007:
 - * Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 63/QĐ-TCNS ngày 19/01/2008.
 - * Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2007”, theo quyết định số 1240/QĐ-BGD-ĐT ngày 21/3/2008.
- + Năm 2008:

- * Công ty đạt giải thưởng – cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” – năm 2008, do: Hiệp hội chứng khoán Việt Nam, Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, Tạp chí Chứng khoán Việt Nam - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, công ty Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp VN, công ty cổ phần văn hóa thông tin Thăng Long cùng phối hợp tổ chức bầu chọn.
- * Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 63/QĐ-TCNS ngày 12/01/2009.
- * Bằng khen của Bộ Giáo Dục tặng đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong công tác “Phát hành sách giáo dục năm 2008”, quyết định số 2170/QĐ-BGD-ĐT ngày 03/3/2009.
- + Năm 2009:
 - * Tháng 6/2009, Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 / ISO 9001: 2008
 - * Công ty đã nhận bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh số 3149/QĐUB, ngày 26/6/2009: Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, tham gia ngày “Hội phát triển Giáo dục TP. Hồ Chí Minh năm 2009”.
 - * Cũng trong tháng 6/2009, chi nhánh xí nghiệp In của Công ty đã tách ra thành công ty TNHH một thành viên in Chuyên Dùng, 100% vốn là của công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
 - * Tháng 10/2009: Công ty đạt giải thưởng – danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội năm 2009”, do: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Báo Đầu Tư Chứng Khoán cùng phối hợp tổ chức bầu chọn.
- + Năm 2010:
 - * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận và khen thưởng công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2009, theo quyết định số 67/QĐ-TCNS ngày 22/01/2010.
 - * Tháng 3/2010, thành lập cửa hàng bán lẻ Bình Thạnh, tại 122 Phan Văn Trị, quận Bình Thạnh, TP.HCM. Hạch toán phụ thuộc Công ty.
 - * Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ năm 2009, quyết định số 1592/QĐ-BGDĐT ngày 27/4/2010.
 - * 06/5/2010, thành lập công ty con (51% vốn của công ty mẹ): công ty cổ phần giáo dục An Đông, vốn điều lệ là 3 tỷ đồng. Ngành nghề: Giáo dục tiểu học. Giáo dục THCS. Giáo dục THPT. Dạy nghề. Dạy ngoại ngữ, dạy máy tính. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
 - * Tháng 6/2010, nhận bằng khen của UBND TP.HCM về đạt thành tích tốt trong tham gia “Ngày hội Giáo Dục phát triển TP. Hồ Chí Minh năm 2010”.
 - * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận và khen thưởng công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM hoàn thành tốt kết quả thi đua 9 tháng đầu năm 2010 khu vực phía Nam theo quyết định số 868/QĐ-TCNS ngày 19/10/2010.
 - * Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng bằng khen cho tập thể công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, quyết định số 2096/QĐ-TTg ngày 18/11/2010.
- + Năm 2011:
 - * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp “Đơn vị xuất sắc của NXB Giáo Dục Việt Nam” và khen thưởng theo quyết định số 13/QĐ-TCNS ngày 12/01/2011 cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2010.

- * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận, khen thưởng và tặng cờ thi đua danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2010” cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM theo quyết định số 18/QĐ-TCNS ngày 13/01/2011.
- * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng lãnh đạo và CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM có nhiều thành tích trong quản lý và hoạt động SXKD, đóng góp vào thành tích chung của NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2010, quyết định số 78/QĐ-TCNS ngày 26/01/2011.
- * Ngày 28/4/2011, Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 1 – Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cấp “ Giấy Chứng Nhận Phù Hợp Quy Chuẩn Kỹ Thuật” (tem CR trên sản phẩm) số: 0126 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận, Công ty được phép sản xuất “Đồ chơi trẻ em” bằng gỗ, nhựa và vải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 3:2009/BKCN, có giá trị 36 tháng kể từ ngày 28/4/2011 đến 28/4/2014.

- * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể cán bộ công nhân viên công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM trong 6 tháng đầu năm 2011, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt hiệu quả kinh doanh cao, quyết định số 448/QĐ-TCNS ngày 14/7/2011.
- * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể công nhân viên công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kết quả thi đua 9 tháng đầu năm 2011 khu vực phía Nam, quyết định số 627/QĐ-TCNS ngày 10/10/2011.
- * Ngày 26/10/2011, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp “Chứng Thư Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2011” số: CRC 031/TNDN.2011/V.01 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, thời hạn 2 năm kể từ khi được cấp Chứng thư.

Doanh nghiệp được quyền, đặc quyền trong việc sử dụng Chứng thư thẩm định này trong các hoạt động giao dịch, sản xuất kinh doanh, đấu thầu và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp, pháp luật Nhà nước CHXHCN Việt Nam và thông lệ quốc tế.



CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH TÍN NHIỆM

Số: CRC 031/TNDN.2011/V.02

Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp - CRC đã thẩm định, nghiên cứu, xét duyệt hồ sơ, tài liệu do doanh nghiệp cung cấp, theo đó phê chuẩn cấp Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp năm 2011 cho:

Doanh nghiệp:

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Tên viết tắt:

STB JSC

Địa chỉ trụ sở chính:

số 223, Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực hoạt động chính:

mua bán SGK, sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học

Doanh nghiệp được quyền, đặc quyền trong việc sử dụng Chứng thư thẩm định này trong các hoạt động giao dịch, sản xuất kinh doanh, đấu thầu và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước CHXHCN Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp này được lập thành 03 (ba) bản chính có giá trị pháp lý như nhau.

Chứng thư thẩm định tín nhiệm được cấp
theo Quyết định số: 042/2011/QĐ-CRC
ngày 26/10/2011.

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2011

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Th.S. Nguyễn Thị Hồng Hà



**CERTIFICATE
CREDIT RATING APPRAISE**

No.CRC 031/TNDN.2011/E.01

Enterprise Credit Rating Appraise Science Center - CRC has verified, researched, and reviewed records and documents provided by the enterprise, which approved granting the Certificate Credit Rating Appraise in 2011 for:

Enterprise:

BOOK AND EDUCATIONAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Abbreviated name:

STB JSC

Address of head office:

no. 223, Nguyen Tri Phuong street, ward 9, district No.5, Ho Chi Minh city

Fields of main operations:

business in book and educational equipment

The enterprise is entitled, privileged in the use of this Certificate Credit Rating Appraise in the transaction, production and business, bidding and other activities in accordance with the provisions of Enterprise Credit Rating Appraise Science Center, the law of Socialist Republic of Vietnam and international practices.

This Certificate Credit Rating Appraise in 2011 is made in 03 (three) originals, which have the same legal value.

Certificate Credit Rating Appraise issued based
on Decision No.042/2011/QĐ-CRC
dated 26/10/2011.

Hanoi, October 26th 2011

**ON BEHALF OF DIRECTOR
DEPUTY DIRECTOR**



M.A. Nguyen Thi Hong Ha

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP QUỐC GIA VIỆT NAM
Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL



BẰNG CHỨNG NHẬN

Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam
Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL

Chúng nhận đã tư vấn hồ sơ đăng ký thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp thành công cho:

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Để chuyển hồ sơ đăng ký thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp cho hội đồng thẩm định và được Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp - CRC cấp:

CHỨNG THƯ
THẨM ĐỊNH TÍN NHIỆM DOANH NGHIỆP NĂM 2011

Doanh nghiệp được cấp chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp năm 2011 được quyền nhận được sự tư vấn miễn phí trong công tác quản trị, công tác tài chính kế toán liên tiếp 3 năm kể từ ngày phát hành Bằng chứng nhận này từ các tư vấn viên thuộc hệ thống Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.

Phát hành tại Thủ đô Hà Nội, làm thành 05 (năm) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2011

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Th.S. Hứa Việt Minh

* Tháng 12 năm 2011, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tính dụng doanh nghiệp năm 2011 và bầu chọn công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong “Top 1.000 doanh nghiệp năm 2011” là những DN có đóng góp lớn cho nền kinh tế, là những DN có kết quả xếp hạng tính dụng cao, hoạt động kinh doanh hiệu quả, có uy tín trong quan hệ tín dụng với các ngân hàng. Ấn phẩm được phát hành đến các ngân hàng, các hiệp hội ngành nghề, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.



XẾP HẠNG TÍN DỤNG

TOP 1000 DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

NĂM 2011

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - 2011

Thành phố Hồ Chí Minh							
48	Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh	7900009468	80,849	196,212	T.Bình	AAA	171
49	Công ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh	7900002512	370,956	416,012	Lớn	AAA	171
50	Công ty CP Vàng Bạc đá Quý Phú Nhuận	7900003618	1,017,956	13,077,790	Lớn	AAA	171
51	Công ty CP Tập Đoàn Thiên Long	7900002481	396,059	821,332	Lớn	AA	172
52	Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	7900008301	1,763,354	5,367,847	Lớn	AAA	172
53	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7900014274	4,682,633	2,763,278	Lớn	AA	172
Tỉnh Long An							
54	Công ty TNHH Lavie	8000000116	155,270	543,676	Lớn	AA	172

Trung tâm Thông tin Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Tên giao dịch: Book and educational Equipment Joint Stock Company

Mã CIC: 7900009468

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P. 9, Q. 5, TP. HCM

Điện thoại: 08.38554645/38553118 Fax: 08.38564307

Năm thành lập: 2006

Ngành kinh tế CIC: Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng khác

Xếp hạng tín dụng năm tài chính 2010: AAA



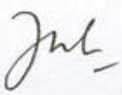

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2010		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,2	>	5
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,3	>	4
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,0	<	3
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	64,2	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,7	>	4
CÁC CHỈ TIÊU CÂN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	30,3	<	5
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	44,2	<	5
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	5,2	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T. tài sản cố	%	8,6	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	12,5	>	5

+ Năm 2012:

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBGDVN cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2011, quyết định số 21/QĐ-TCNS ngày 11/01/2012.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng lãnh đạo và CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều thành tích trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào thành tích chung của NXBGDVN năm 2011, quyết định số 65/QĐ-TCNS ngày 18/01/2012.

* Tháng 7/2012, Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM được tái cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 / ISO 9001: 2008

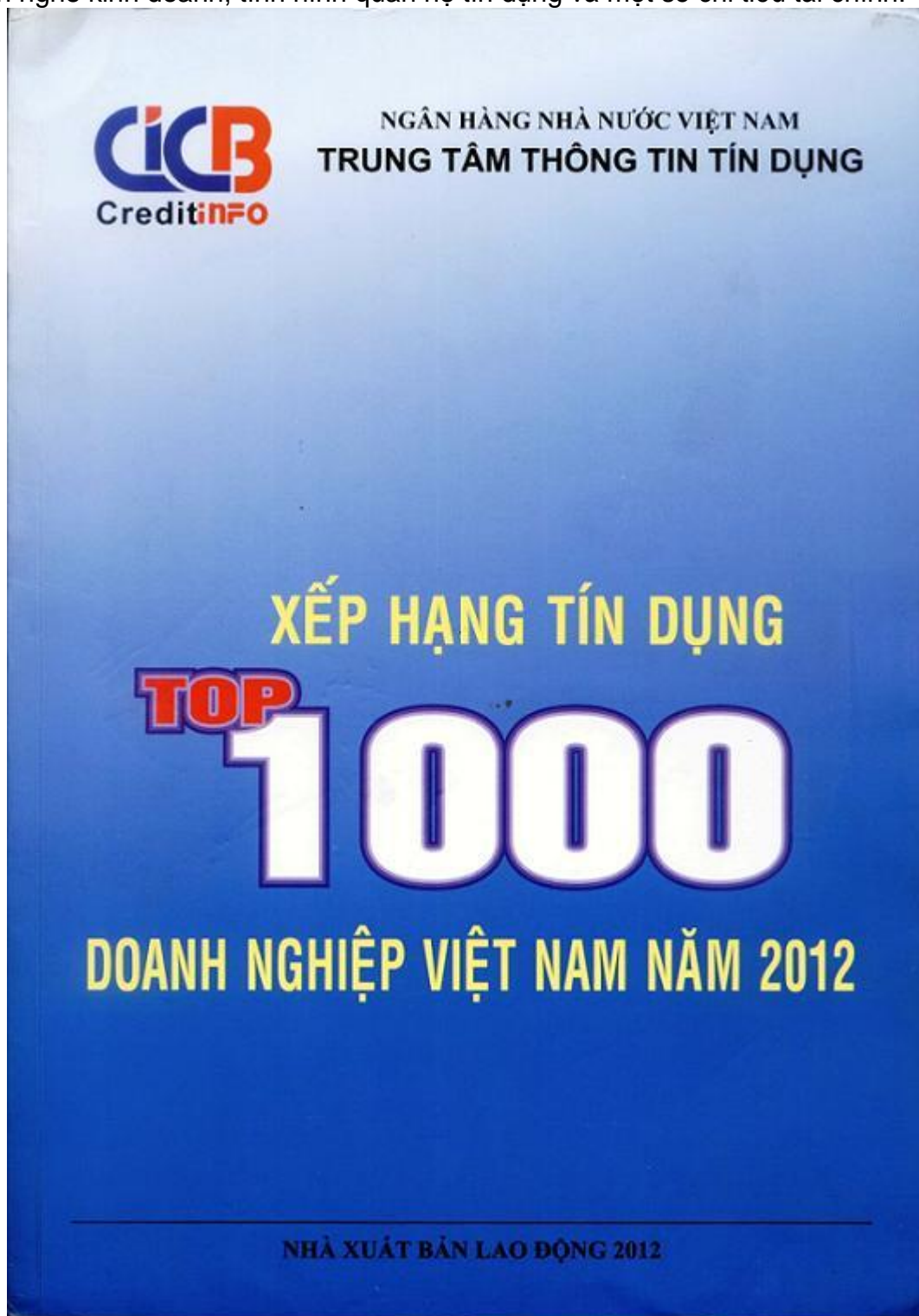
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT		DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY (STAMEQ) VIETNAM CERTIFICATION CENTRE QUACERT
GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE		
No.: HT 1892/1.12.29		
<i>Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của :</i> <i>This is to certify that the Quality Management System of</i>		
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH <i>BOOK AND EDUCATIONAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY OF HO CHI MINH CITY</i>		
<i>Địa chỉ/ address :</i> 223 Nguyễn Tri Phương, phường 9, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh <i>223 Nguyen Tri Phuong Street, Ward 9, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>		
<i>cho lĩnh vực / for the following activities:</i> Kinh doanh Sách và Thiết bị trường học <i>Trade of Books and Education Equipments</i>		
<i>đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:</i> <i>has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard</i> TCVN ISO 9001 : 2008 / ISO 9001 : 2008		
<i>Giấy chứng nhận này có giá trị từ / This certificate is valid from:</i> 11.07.2012 đến / to 10.07.2015		
Tổng cục TC-ĐL-CL TỔNG CỤC TRƯỞNG <i>(The Director General of STAMEQ)</i>	Hội đồng Chứng nhận CHỦ TỊCH <i>(The Chairman of the Certification Board)</i>	Trung tâm Chứng nhận QUACERT GIÁM ĐỐC <i>(The Director of QUACERT)</i>
 <i>Ngô Quý Việt</i>	 <i>Phạm Hồng</i>	 <i>Nguyễn Nam Hải</i>

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2012, đạt hiệu quả kinh doanh cao, quyết định số 424/QĐ-TCNS ngày 15/07/2012.

* Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tập thể CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo kết quả thi

đưa 9 tháng đầu năm 2012 khu vực miền Nam, quyết định số 648/QĐ-TCNS ngày 17/10/2012.

- * Tháng 10 năm 2012, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tín dụng doanh nghiệp năm 2012 và bầu chọn công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong “Top 1.000 doanh nghiệp năm 2012” là những DN có đóng góp lớn cho nền kinh tế, là những DN có kết quả xếp hạng tín dụng cao, hoạt động kinh doanh hiệu quả, được đánh giá theo quy mô, ngành nghề kinh doanh, tình hình quan hệ tín dụng và một số chỉ tiêu tài chính.



Bảng 2.1: BẢNG TỔNG HỢP XẾP HẠNG TÍN DỤNG TOP 1000 DOANH NGHIỆP NĂM 2012

STT	Tên Doanh Nghiệp	Mã CIC	Địa Bàn	NVCSH (tr.VND)	Doanh Thu (tr.VND)	XHTD 2012	Trang
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
840	Công ty Cổ phần Thành Nhơn	7900038425	Tp. Hồ Chí Minh	54,368	515,803	A+	305
841	Công ty Cổ phần Thép Trung Dũng	4800003067	Tp. Hồ Chí Minh	40,821	457,589	A+	305
842	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hương Thủy	7900021293	Tp. Hồ Chí Minh	53,123	1,028,471	AA+	305
843	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	7900004943	Tp. Hồ Chí Minh	265,835	311,135	AA+	305
844	Công ty Cổ phần Thương mại Học Môn	7900008347	Tp. Hồ Chí Minh	140,078	868,110	AA+	306
845	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	7900038213	Tp. Hồ Chí Minh	730,851	6,431,124	AA+	306
846	Công ty Cổ phần Thương mại No Va	7900030267	Tp. Hồ Chí Minh	25,710	818,391	BBB+	306
847	Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức	7900004639	Tp. Hồ Chí Minh	143,012	2,065,024	A+	306
848	Công ty Cổ phần TM và DV Cần Giờ	7900015447	Tp. Hồ Chí Minh	39,934	2,327,827	BBB+	307
849	Công ty Cổ phần Thương mại-Dịch vụ-Sản xuất Việt Thương	7900007143	Tp. Hồ Chí Minh	56,566	128,154	A+	307
850	Công ty Cổ phần Thế giới Di Động	7900035811	Tp. Hồ Chí Minh	298,370	5,309,863	AA+	307
851	Công ty Cổ phần Tâm con Sư Tử	7900015257	Tp. Hồ Chí Minh	28,849	137,731	BBB+	307
852	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền Thông Thanh Niên	7900027479	Tp. Hồ Chí Minh	125,295	365,523	BBB+	308
853	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Intimex	7900034928	Tp. Hồ Chí Minh	173,708	11,138,431	A+	308
854	Công ty Cổ phần Vi Na Cam	7900032027	Tp. Hồ Chí Minh	170,968	3,903,949	A+	308
855	Công ty Cổ phần XNK Petrolimex	7900001681	Tp. Hồ Chí Minh	210,921	2,790,112	A-	308
856	Công ty Cổ phần XNK hàng tiêu thụ Công nghiệp Sài Gòn	7900005751	Tp. Hồ Chí Minh	82,505	106,654	AA+	309
857	Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	7900018042	Tp. Hồ Chí Minh	745,314	5,764,165	A+	309
858	Công ty Cổ phần sách và thiết bị Trường học Tp. Hồ Chí Minh	7900009468	Tp. Hồ Chí Minh	90,372	218,600	AA+	309
859	Công ty Cổ phần thể giới số	7900016137	Tp. Hồ Chí Minh	233,566	2,356,042	A+	309
860	Công ty Cổ phần thực phẩm công nghệ Sài Gòn	7900003416	Tp. Hồ Chí Minh	84,020	2,647,755	BBB-	310
861	Công ty Cổ phần vật tư tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	7900003415	Tp. Hồ Chí Minh	66,486	507,966	AA-	310
862	Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	7900005578	Tp. Hồ Chí Minh	171,905	2,749,489	A+	310
863	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Phát	7900007364	Tp. Hồ Chí Minh	249,571	1,034,972	BBB+	310
864	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phong	7900004868	Tp. Hồ Chí Minh	249,196	1,269,452	A+	311
865	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khang Minh	7900032641	Tp. Hồ Chí Minh	69,325	691,189	BBB+	311
866	Công ty TNHH Cao Phong	7900015861	Tp. Hồ Chí Minh	28,616	3,223,674	A+	311
867	Công ty TNHH Khu Mua Sắm Đệ Nhất Phan Khang	7900013820	Tp. Hồ Chí Minh	46,672	1,799,648	BBB+	311
868	Công ty TNHH Kim Ngọc Phú	7900034337	Tp. Hồ Chí Minh	112,286	22,360,544	AA+	312
869	Công ty TNHH Kiến Vương	7900022834	Tp. Hồ Chí Minh	31,969	664,227	A+	312
870	Công ty TNHH MTV TM Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	7900025458	Tp. Hồ Chí Minh	69,128	937,725	BBB+	312
871	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC)	7900003548	Tp. Hồ Chí Minh	1,252,273	111,052,361	A+	312
872	Công ty TNHH MTV TM và DV Dầu Khí Biển	7900033820	Tp. Hồ Chí Minh	46,448	877,334	BBB+	313

Trung tâm thông tin Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Tên giao dịch: Artex Saigon Import-Export Joint Stock Company For Fine Arts Handicrafts and Small Industry Products
 Mã CIC: 7900005751
 Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, P. Cầu Ông Lãnh, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.38243378/38299078 Fax: 08.38292584
 Năm thành lập: 1976
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: AA+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,3	<	1
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,2	>	5
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	99,5	>	5
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	13,3	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,0	<	1
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	19,1	<	5
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	23,5	<	5
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	18,1	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản cố	%	19,0	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	23,4	>	5

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HOÁ LÔNG MIỀN NAM

Tên giao dịch: Petrovietnam Southern Gas Joint Stock Company
 Mã CIC: 7900018042
 Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.39100324 Fax: 08.39100097
 Năm thành lập: 2000
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: A+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,9	<	1
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,9	<	1
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	45,6	>	5
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	39,8	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,8	<	1
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	70,2	>	1
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	308,8	>	1
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	5,9	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản cố	%	10,5	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	46,0	>	5

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Tên giao dịch: Book and Educational Equipment Joint Stock Company
 Mã CIC: 7900009468
 Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P. 9, Q. 5, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.38554645, 08.38553118 Fax: 08.38564307
 Năm thành lập: 1984
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: AA+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,9	>	5
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,6	>	5
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,2	<	1
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	43,7	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	1,9	<	1
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	21,9	<	5
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	28,5	<	5
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	5,2	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản cố	%	9,6	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	12,5	>	5

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Tên giao dịch: Digiworld Corporation
 Mã CIC: 7900016137
 Địa chỉ: 211 - 213 Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08.39290059/9293332 Fax: 08.39290058/9290060
 Năm thành lập: 1997
 Ngành kinh tế CIC: Thương mại (trừ thương mại công nghiệp nặng)
 Xếp hạng tín dụng 2012: A+

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011		
		Kết quả	SS với TB ngành	Số điểm
CÁC CHỈ TIÊU THANH KHOẢN				
1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,3	<	1
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,6	<	1
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG				
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,5	<	1
4. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	38,6	<	5
5. Hiệu quả sử dụng tài sản	Lần	2,8	>	5
CÁC CHỈ TIÊU CẢN NỢ				
6. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	72,1	>	1
7. Nợ phải trả trên NVCSH	%	258,0	>	1
8. Nợ không đủ tiêu chuẩn trên Tổng dư nợ NH	%	0,0	<	5
CÁC CHỈ TIÊU LỢI TỨC				
9. Tổng lợi tức sau thuế trên DT	%	2,4	>	5
10. Tổng lợi tức sau thuế trên T tài sản cố	%	6,8	>	5
11. Tổng lợi tức sau thuế trên NVCSH	%	24,4	>	5

* Ngày 26/11/2012, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier –

Nhà cung cấp Chất lượng 2012”, mã hồ sơ: 0230/TQS/2012 cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH.



+ Năm 2013:

* Ngày 07/01/2013, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp “Chứng Thư Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2012” số: CRC 106/TNDN.2012/V.01 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh.

Doanh nghiệp được quyền, đặc quyền trong việc sử dụng Chứng thư thẩm định này trong các hoạt động giao dịch, sản xuất kinh doanh, đấu thầu và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp, pháp luật Nhà nước CHXHCN Việt Nam và thông lệ quốc tế.

- * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBGDVN cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2012, quyết định số 86/QĐ-TCNS ngày 21/01/2013.
- * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng lãnh đạo và CBCNV công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều thành tích trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào thành tích chung của NXBGDVN năm 2012, quyết định số 183/QĐ-TCNS ngày 02/02/2013.
- * Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát hành sách năm 2012, ghi sổ bằng khen số 801/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2013.
- * Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, đơn vị đã được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác Phát hành sách và thiết bị giáo dục năm 2012, quyết định số 289/QĐ-TCNS ngày 12/3/2013.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

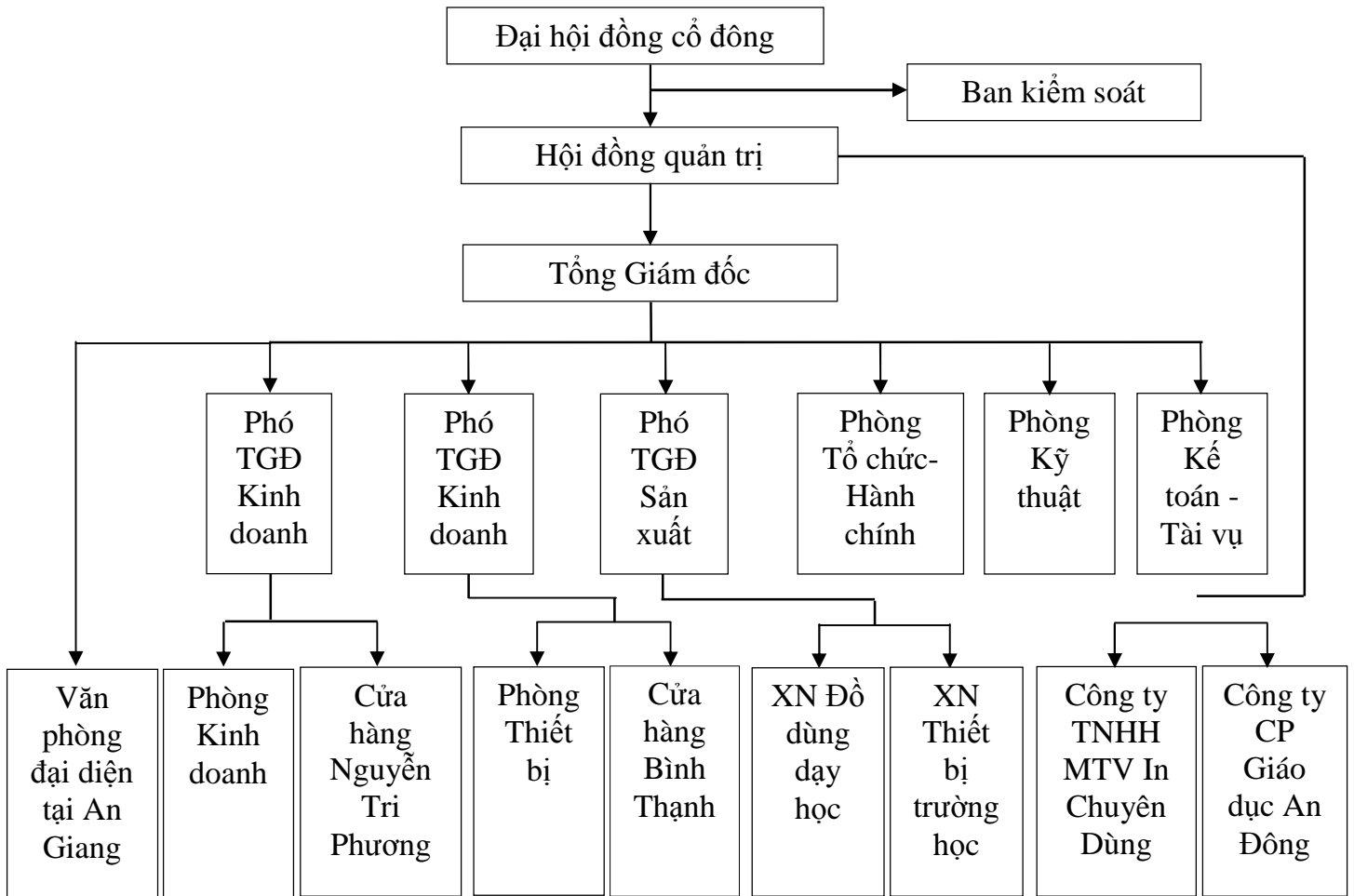
_ Ngành nghề kinh doanh:

- . Mua bán sách giáo khoa.
- . Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học.
- . Sản xuất, mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm làm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ), hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị nghe nhìn.

_ Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, Tiền Giang...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

_ Mô hình quản trị:



_ Cơ cấu bộ máy quản lý:

🚦 Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

🚦 Hội đồng quản trị:

Gồm 5 thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

🚦 Ban kiểm soát:

Gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty.

🚦 Tổng Giám đốc:

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

🚦 Phó Tổng Giám đốc kinh doanh sách:

Chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc, là người điều hành, chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh sách của Công ty.

🚦 Phó Tổng Giám đốc kinh doanh thiết bị:

Chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc, là người điều hành, chịu trách về hoạt động kinh doanh thiết bị của Công ty.

🚧 Phó Tổng Giám đốc sản xuất:

Chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc, là người điều hành, chịu trách về hoạt động sản xuất của Công ty.

🚧 Phòng Tổ chức hành chính:

Tổ chức công tác quản lý nhân sự, văn thư và các công việc liên quan khác của Công ty.

🚧 Phòng Kế toán – Tài vụ:

Tổ chức công tác kế toán, hoạt động tài chính của toàn Công ty, hạch toán các nghiệp vụ kế toán, lập báo cáo tài chính, quản lý, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

🚧 Phòng Kinh doanh:

Tổ chức quản lý kinh doanh sách, ấn phẩm nhà trường.

🚧 Phòng Thiết bị:

Khai thác và nhập hàng thiết bị trường học và đồ dùng dạy học, cung cấp hàng hóa

🚧 Phòng Kỹ thuật:

Phụ trách các công việc như lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, hướng dẫn sử dụng cho các sản phẩm thiết bị trường học...; sửa chữa các thiết bị văn phòng trong Công ty.

🚧 Xí nghiệp đồ dùng dạy học:

Sản xuất các đồ dùng dạy học theo Danh mục của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo như thiết bị nhà trẻ, trường mẫu giáo, tiểu học, đồ chơi trẻ em...

🚧 Xí nghiệp Thiết bị trường học:

Sản xuất các thiết bị trường học, thiết bị văn phòng như bàn, tủ, ghế, kệ cho các phòng học, phòng thí nghiệm...

_ Các công ty con:

Tên công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1/ Công ty TNHH 1TV In Chuyên Dùng	104/5 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	Chuyên về in sách giáo khoa, sách bài tập đi kèm sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm phục vụ nhà trường	3.000.000.000 đồng	100%
2/ Công ty cổ phần giáo	780 Nguyễn	Chuyên về giáo dục và	5.230.000.000	52,77%

Dục An Đông	Kiểm,quận Nhuận TP.HCM	giảng dạy, đã thành lập trường THCS - THPT Trung - Nguyễn Huệ	đồng	
-------------	------------------------------	---	------	--

5. Định hướng phát triển:

_ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM vẫn tiếp tục là đơn vị hậu cần cho ngành giáo dục, lấy kinh doanh làm phương tiện và Công ty sẽ phát triển theo hướng đa ngành một cách vững chắc.

_ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường mua sắm mới máy móc, thiết bị mới để sản phẩm do Công ty sản xuất ra có chất lượng tốt.

Trong sản xuất: Tiếp tục phát triển các mặt hàng thiết bị phòng thí nghiệm, phòng bộ môn, các dụng cụ dạy và học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông, cả lĩnh vực dạy nghề. Tăng cường phát triển mảng thiết bị nội thất học đường và văn phòng bằng nhiều loại vật liệu cho phù hợp với nhu cầu thực tế. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ cố gắng phát triển thêm trong lĩnh vực phục vụ như: phần mềm, băng đĩa, tranh ảnh, ... để phục vụ ngành giáo dục ngày một hiệu quả hơn.

Tăng cường dần năng lực sản xuất các mặt hàng thiết bị và đồ dùng dạy học, đồ chơi nhà trẻ - mẫu giáo trong nhà và ngoài trời để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh sẵn có từ nhiều năm qua của đơn vị như: lượng khách hàng truyền thống, mối quan hệ tốt đẹp với các trường, phòng giáo dục, ... để tạo nên nét đặc thù riêng của Công ty.

Trong kinh doanh: Tăng cường khâu bán lẻ bằng cách phát triển hệ thống cửa hàng, trước mắt là tại thị trường TP.HCM và sẽ tiến dần mở rộng ra các nơi trên lãnh thổ Việt Nam, có thể do Công ty đứng ra kinh doanh hoặc có thể liên kết với các tỉnh bạn làm đại lý để phát hành sản phẩm của Công ty.

_ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Di dời dần các xí nghiệp về các khu công nghiệp, tránh ô nhiễm trong khu vực dân cư sinh sống.

Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có chất lượng, đồng thời có tính năng sử dụng lặp lại các chi tiết sản phẩm có thể dùng chung cho nhiều thí nghiệm để sản phẩm sử dụng bền và tiết kiệm chi phí cho xã hội, cho nhà trường và cho học sinh.

6. Các rủi ro:

_ Tính cạnh tranh trên thị trường

Nhìn chung, Công ty đã có thời gian hoạt động rất lâu nên đã tạo cho công ty một uy tín thương hiệu trên thị trường. Tuy nhiên ở Công ty vẫn tồn tại một số rủi ro sau:

- . Cơ sở vật chất cũ, xuống cấp, không thích hợp đối với trung tâm mua bán hiện đại.
- . Các đơn vị sản xuất còn cách xa về mặt địa lý, gây tốn kém trong công tác sản xuất dây chuyền và vận chuyển trong tiêu thụ.
- . Nếu Công ty không còn ở vị thế độc quyền thì có thể sẽ ảnh hưởng tới doanh thu. Hiện tại nạn in lậu sách giáo khoa vẫn còn và tại TPHCM hiện có khá nhiều nhà in có năng lực lớn, có quan hệ truyền thống với NXBGD. Các đơn vị này sẵn sàng đấu thầu, do đó tạo nên sự cạnh tranh khá gay gắt.

- Mặc dù, Công ty đã có uy tín trên thị trường nhưng hiện tại Công ty vẫn không ngừng cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh nhằm tăng tính cạnh tranh so với các công ty bạn. Bên cạnh đó, Công ty còn tăng cường khả năng

chăm sóc khách hàng bằng các chương trình khuyến mãi, hậu mãi nhằm thu hút được nhiều khách hàng và ngày càng mở rộng thị trường bằng cách mở thêm nhiều cửa hàng ở nhiều nơi để phục vụ khách hàng. Từ đó Công ty sẽ mở rộng được thị phần trên thị trường, đạt doanh thu cao tạo hiệu quả hơn cho hoạt động kinh doanh và xa hơn nữa là Công ty sẽ có một vị thế vững mạnh trên thị trường để cạnh tranh với các công ty khác.

_ Phạm vi đa dạng hóa sản phẩm.

Hiện ở Công ty đang sản xuất, kinh doanh khá nhiều chủng loại sản phẩm nhưng vẫn còn tồn tại những mặt hàng đã lỗi thời so với thị trường và chưa khai thác hết những sản phẩm trên thị trường. Chính vì điều này đã làm cho rủi ro kinh doanh ở Công ty sẽ bị cao.

○ Vì vậy, đối với Công ty chúng ta hiện nay thì bên cạnh việc quan tâm đến khách hàng, Công ty cũng phải không ngừng nghiên cứu thêm nhiều chủng loại sản phẩm mới để mở rộng phạm vi sản xuất, kinh doanh từ đó sẽ tăng được tính cạnh tranh hơn trên thị trường và mang lại hiệu quả kinh doanh cao hơn. Chẳng hạn, bên cạnh việc cung ứng SGK thì công ty còn mở rộng thêm việc sản xuất, kinh doanh sách tham khảo các loại, ấn phẩm các loại, còn kinh doanh nhiều mặt hàng đồ chơi cho trẻ em,... Còn về hàng thiết bị thì Công ty đã và đang sản xuất, kinh doanh rất nhiều chủng loại hàng để đáp ứng cho chương trình giáo dục. Ngoài ra, Công ty còn không ngừng nghiên cứu để cải tiến sản phẩm và tung ra thị trường nhiều loại sản phẩm mới để hỗ trợ cho việc giảng, dạy học tập trong nhà trường.

_ Biến động về nhu cầu

Hiện trên thị trường có sự biến động về nhu cầu khá cao, chương trình giáo dục cải tiến hàng năm cho nên nhu cầu về sản phẩm cũng thay đổi mạnh.

○ Do đó, để hạn chế được rủi ro sụt giảm doanh thu do biến động nhu cầu này Công ty đã tiến hành nghiên cứu thị trường, cập nhật những thông tin, quy định mới của Nhà nước để kịp thời điều chỉnh trong quá trình sản xuất cũng như kinh doanh cho phù hợp. Từ đó sẽ hạn chế được những sản phẩm lạc hậu, lỗi thời so với thị trường và kịp thời đưa ra thị trường những sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng -> ổn định và gia tăng doanh thu cho Công ty.

_ Tính biến đổi về giá bán và chí phí đầu vào

Hiện tại, do ảnh hưởng của tình hình lạm phát nên giá cả biến động rất mạnh. Vì thế, chi phí đầu vào của Công ty luôn biến động mạnh làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ -> tăng rủi ro kinh doanh ở Công ty.

○ Để khắc phục được tình trạng này thì Công ty đã đề ra chiến lược sản xuất, kinh doanh kịp thời. Về sản xuất thì Công ty đã có chủ trương lập kế hoạch sản xuất cụ thể từ đó dự trù được nguyên, vật liệu đầu vào, có kế hoạch đặt hàng và dự trữ hàng trước nhằm ổn định được chi phí đầu vào và có đủ nguyên, vật liệu cho quá trình sản xuất được liên tục và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng vào việc ứng dụng máy móc hiện đại, nâng cao tay nghề cho công nhân nhằm gia tăng năng suất trong sản xuất để cắt giảm chi phí sản xuất. Từ việc ổn định được chi phí đầu vào nên Công ty có thể đưa ra giá bán vừa phải để thu hút được nhiều khách hàng, gia tăng doanh thu, lợi nhuận để cạnh tranh với các Công ty khác.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

_ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2011	KẾ HOẠCH 2012	THỰC HIỆN 2012		
			SỐ TIỀN	% TH2012/TH2011	% TH2012/KH2012
1/ DOANH THU	219,47	215,00	263,40	120,02	122,51
Trong đó:					
_ Sách	88,12	84,50	94,07	106,75	111,33
_ Thiết bị	120,42	120,00	146,88	121,97	122,40
_ Giảng dạy	4,70	5,00	14,50	308,60	290,08
_ In	4,75	5,00	4,74	99,81	94,82
_ Khác	1,48	0,50	3,21	216,76	641,60
2/ CHI PHÍ	206,66	202,00	247,74	119,88	122,64
3/ LỢI NHUẬN	12,81	13,00	15,66	122,28	120,49

_ Đối với báo cáo hợp nhất của Công ty mẹ với các công ty con là: công ty CP Giáo Dục An Đông và công ty TNHH 1 TV In Chuyên Dùng thì:

+ So với năm 2011, doanh thu năm 2012 là 263,40 tỷ đồng, tăng 43,93 tỷ đồng tức tăng 20,02% và lợi nhuận tăng là 2,85 tỷ đồng tương ứng tăng 22,28%.

+ Nếu so với kế hoạch năm 2012 thì doanh thu tăng là 48,4 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 22,51% và lợi nhuận tăng là 2,66 tỷ đồng và tỷ lệ tăng là 20,49%.

2. Tổ chức và nhân sự:

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Từ Văn Sơn Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
- Ông Lê Kế Đức Phó tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
- Ông Ngô Trần Vinh Phó tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
- Ông Phan Xuân Hiến Phó tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
- Ông Trần Văn Hưng Kế toán trưởng Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành:

Ông Từ Văn Sơn
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Tây Ninh
Ngày tháng năm sinh	14/05/1947	Địa chỉ thường trú	541/17 Sư Vạn Hạnh – P.13 – Quận 10 – TP.HCM
Nơi sinh	Tây Ninh	Số điện thoại cơ quan	(08) 8 554 645

Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học khoa học tự nhiên
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> Ù 05/1975 – 10/1975: Cán bộ giảng dạy trường Đại học Sư phạm Cần Thơ Ù 11/1975 – 07/1976: Cán bộ giảng dạy trường đào tạo bồi dưỡng TP.HCM Ù 08/1976 – 12/1985: Phó Trạm học liệu – Sở Giáo dục & Đào tạo TP.HCM Ù 01/1986 – 12/1989: Phó Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM Ù 01/1990 – 06/2006: Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM Ù 07/2006 – nay :Chủ tịch Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP.HCM. 			
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc		
Số cổ phần nắm giữ	3.003.698 cổ phiếu (trong đó 2.976.768 cổ phần đại diện Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. 26.930 cổ phần cá nhân)		
Số cổ phần của những liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Ù Vợ: Châu Mỹ Linh., 19.000 cổ phiếu Ù Con gái: Từ Linh Uyên, 10.260 cổ phiếu Ù Con trai: Từ Trung Đan, 18.700 cổ phiếu 		
Các khoản nợ đối với Công ty: không			
Lợi ích liên quan đối với Công ty: không			

Ông Lê Kế Đức

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Kiên Giang
Ngày tháng năm sinh	06/01/1953	Địa chỉ thường trú	26 Đường 41 – P. Thảo Điền – Quận 2 – TP.HCM
Nơi sinh	Kiên Giang	Số điện thoại cơ quan	(08) 8 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học sư phạm
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> Ù 10/1975 – 06/1976: Giáo Viên trường Phù Đổng – Q. Bình Thạnh Ù 07/1976 – 07/1980: Bí thư Đoàn – Hiệu Phó Trường Hà Huy Tập – Q. Bình Thạnh Ù 08/1980 – 07/1982: Đi học trường Cán bộ quản lý Ù 08/1982 – 10/1985: Cán bộ Kế hoạch Tổng hợp – P. Giáo dục – Đào tạo Q. Bình Thạnh Ù 11/1985 – 09/1988: Cán bộ Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em 			

<ul style="list-style-type: none"> Ừ 10/1988 – 03/1993: Cán bộ Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM Ừ 04/1993 – 06/1996 : Trưởng phòng Thiết bị – Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM Ừ 10/1996 – 6/2006 : Phó Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM Ừ 07/2006 – nay : Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP.HCM 	
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty - Phó Tổng Giám đốc Công ty
Số cổ phần nắm giữ	9.110 cổ phiếu
Số cổ phần của những người có liên quan	Vợ: Nguyễn Bạch Hoa, sở hữu: 5.700 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty: không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: không	

Ông NGÔ TRẦN VINH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Đà Nẵng
Ngày tháng năm sinh	01/01/1955	Địa chỉ thường trú	595/23F Cách Mạng Tháng 8 – P.15 – Quận 10 – TP.HCM
Nơi sinh	Đà Nẵng	Số điện thoại cơ quan	(08) 8 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc		Trình độ chuyên môn	Đại học Nông Lâm

Quá trình công tác:

- Ừ 07/1979 – 07/1984: Cán bộ giảng dạy trường ĐH Nông Lâm TP.HCM
- Ừ 08/1984 – 04/1996: Kỹ sư – Trưởng phòng Chế biến lâm sản Phú Thọ – Cty Xuất Nhập khẩu Q.11
- Ừ 05/1996 – 09/1998: Cán bộ P. Quản lý in – CN NXB Giáo dục tại Đà Nẵng
- Ừ 10/1998 – 11/1998: Phó phòng Kế hoạch Phát hành – Thư viện - CN NXB Giáo dục tại Đà Nẵng
- Ừ 12/1998 – 09/1999: Chuyên viên - Cty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM
- Ừ 10/1999 – 01/2002: Phó phòng Kế hoạch Tổng hợp – Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM
- Ừ 02/2002 – 01/2003 : Phó phòng Thiết bị – Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM
- Ừ 02/2003 – 06/2006 : Trưởng phòng Kế hoạch – Công ty Sách và Thiết bị trường học TP.HCM
- Ừ 07/2006 – nay : Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP.HCM

Chức vụ hiện nay	Thành viên hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	8.350 cổ phiếu
Số cổ phần của những người có liên quan:	không
Các khoản nợ đối với Công ty:	không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	không

Ông PHAN XUÂN HIẾN			
Phó Tổng Giám đốc			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Bình
.Ngày tháng năm sinh	09/03/1961	Địa chỉ thường trú	133C Lê Lợi, P.3, Q. Gò Vấp, TP.HCM
Nơi sinh	Nha Trang	Số điện thoại cơ quan	(08) 38 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	.Kinh	.Trình độ chuyên môn	.Đại học ngành Hóa Lý kim loại
.Quá trình công tác:			
Ù 04/1987 – 06/1990: Cán bộ Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm.			
Ù 07/1990 – 09/1992: Nhân viên công ty Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM.			
Ù 10/1992 – 03/1995: Phó Trưởng phòng Thiết Bị công ty Sách và TBTH TPHCM			
Ù 04/1995 – 03/1997: Tu nghiệp tại trường đại học Á Châu – Nhật Bản			
Ù 04/1997 – 05/1997: Nhân viên Công ty Sách và Thiết bị trường học TPHCM			
Ù 06/1997 – 06/2006: Trưởng phòng Thiết Bị công ty Sách và Thiết bị trường học TPHCM			
Ù 07/2006 – 02/2008: Trưởng phòng Thiết Bị công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TPHCM			
Ù 03/2008 – nay: Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TPHCM			
.Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học .TPHCM.		
.Số cổ phần nắm giữ	70 cổ phiếu		
Số cổ phần của những người có liên quan:	Vợ Nguyễn Thị Kim Phượng, đang sở hữu 0 cổ phiếu		
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không		
.Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không		
Ông TRẦN VĂN HƯNG			
m.Thành viên Hội đồng quản Trị kiêm Kế toán trưởng			

Giới tính	Nam	Quê quán	Bình Dương
Ngày tháng năm sinh	24/08/1963	Địa chỉ thường trú	29/8A Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
Nơi sinh	Sài Gòn	Số điện thoại cơ quan	(08) 38 554 645
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán
.Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> Û 09/1984 – 01/1985: Giáo viên trường Sư Phạm Kỹ thuật Phổ thông. Û 01/1985 – 04/1988: Thực tập tại Tiệp Khắc. Û 04/1988 – 06/1990: Nhân viên Công ty Dịch vụ Xây dựng quận 10 TPHCM Û 06/1990 – 03/1991: Nhân viên Công ty Dịch vụ Ăn uống và Khách Sạn quận 10 TPHCM Û 03/1991 – 04/1994: Nhân viên Phòng Phát hành, Công ty Sách và Thiết bị trường học TPHCM Û 04/1994 – 10/2003: Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Sách và Thiết bị trường học TPHCM Û 10/2003 – 07/2005: Phó Trưởng Phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Sách và Thiết bị trường học TPHCM Û 07/2005 – 07/2006: Kế toán trưởng Công ty Sách và Thiết bị trường học TPHCM Û 07/2006 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP.HCM 			
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TPHCM.		
Số cổ phần nắm giữ	.8.000 cổ phiếu		
Số cổ phần của những người có liên quan: Vợ Trần Thị Tuyết Sương, đang sở hữu 3.590 cổ phiếu			
Các khoản nợ đối với Công ty: Không			
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không			

- _ Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.
- _ Số lượng cán bộ, nhân viên: Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - + Số lượng CB-CNV: 283 người
 - + Bình quân thu nhập của CB-CNV là: 6,22 triệu đồng/ người/ tháng.
 - + Chính sách đối với người lao động: Ngoài thu nhập từ lương và thưởng CB-CNV còn được hưởng một số chế độ phúc lợi khác như:
 - * Tham quan nghỉ mát hàng năm;
 - * Hỗ trợ một ít chi phí khi bệnh hoặc gia đình có tang, cũng như quà mừng cưới khi CB-CNV lập gia đình;

- * Trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức;
- * Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
- * Hỗ trợ một phần chi phí học tập nâng cao trình độ chuyên môn;
- * Trợ cấp thôi việc khi nghỉ việc hoặc trợ cấp khi CB-CNV nghỉ hưu;
- * Tặng quà cho các đối tượng và con vào các dịp lễ như: 8/3, 20/10, 01/6, 22/12, tết Trung Thu, ...
- * Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB-CNV của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2012:

a/ Các khoản đầu tư lớn:

- _ Tăng cường đầu tư mua sắm máy móc thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và giảm bớt công lao động: 1,33 tỷ đồng.
- _ Đầu tư phát triển cơ sở vật chất để kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển của đơn vị: chi phí sửa chữa cơ sở vật chất là: 3,99 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Xây dựng thêm phân xưởng Mộc rộng 1.782m² tại xí nghiệp Thiết Bị Trường Học ở khu công nghiệp Sóng Thần 3 tỉnh Bình Dương.
 - + Sửa chữa, cải tạo tòa nhà tại 780 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP.HCM để mở cơ sở 3 của trường THCS-THPT Quang Trung Nguyễn Huệ trực thuộc công ty con là công ty CP GD An Đông..

b/ Các công ty con:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
Công ty TNHH 1TV In Chuyên Dùng	104/5 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	Chuyên về in sách giáo khoa, sách bài tập đi kèm sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm phục vụ nhà trường	8,68 tỷ đồng	0,21 tỷ đồng
Công ty cổ phần giáo Dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận TP.HCM	Chuyên về giáo dục và giảng dạy, đã thành lập trường THCS – THPT Quang Trung - Nguyễn Huệ	28,22 tỷ đồng	0,99 tỷ đồng

4. Tình hình tài chính trong năm 2012:

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Đồng	117.707.728.183	140.125.832.718	0,19
Doanh thu thuần	Đồng	218.600.257.702	261.104.626.914	0,19
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	13.157.100.962	16.131.791.004	0,23
Lợi nhuận khác	Đồng	(342.724.203)	(467.443.768)	0,36
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.814.376.759	15.664.347.236	0,22
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	11.261.136.335	14.402.908.266	0,28
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	13,00	15,00	0,15

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	2,7578	1,9359	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,5065	1,3010	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,2284	0,3470	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,3013	0,5491	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng hóa/ Hàng tồn kho bình quân	5,1754	6,1321	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,8571	1,8634	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần	0,0515	0,0552	
+ Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,1262	0,1627	
+ Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản	0,0957	0,1028	
+ Hệ số LN từ HĐ kinh doanh/ DT thuần	0,0602	0,0618	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 15/3/2013.

a/ Cổ phần:

- _ Tổng số cổ phần phổ thông hiện đang lưu hành: 5.665.530 cổ phần.
- _ Số cổ phần được chuyển nhượng tự do: 5.380.130 cổ phần.
- _ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty là: 284.500 cổ phần.

b/ Cơ cấu cổ đông: Có tổng cộng là 803 cổ đông sở hữu cổ phần của công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM

_ Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

+ Cổ đông lớn có tỷ lệ sở hữu trên 5% vốn điều lệ: Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam, với số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ là: 2.976.768 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ là 52,54%.

+ Cổ đông nhỏ: 802 cổ đông.

_ Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

+ Cổ đông là tổ chức: Có 46 cổ đông.

+ Cổ đông cá nhân: 757 cổ đông.

_ Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

+ Cổ đông nước ngoài: 12 cổ đông.

+ Cổ đông trong nước: 791 cổ đông.

_ Cổ đông Nhà Nước và các cổ đông khác:

+ Cổ đông Nhà Nước: 01 cổ đông.

+ Các cổ đông khác: 802 cổ đông.

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2012 không có.

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ:

+ Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 284.500 cổ đông.

+ Liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2012: Không có.

e/ Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2011	KẾ HOẠCH 2012	THỰC HIỆN 2012		
			SỐ TIỀN	% TH2012/TH2011	% TH2012/KH2012
1/ DOANH THU	219,47	215,00	263,40	120,02	122,51
Trong đó:					
_ Sách	88,12	84,50	94,07	106,75	111,33

_ Thiết bị	120,42	120,00	146,88	121,97	122,40
_ Giảng dạy	4,70	5,00	14,50	308,60	290,08
_ In	4,75	5,00	4,74	99,81	94,82
_ Khác	1,48	0,50	3,21	216,76	641,60
2/ CHI PHÍ	206,66	202,00	247,74	119,88	122,64
3/ LỢI NHUẬN	12,81	13,00	15,66	122,28	120,49

_ Đối với báo cáo hợp nhất của Công ty mẹ với các công ty con là: công ty CP Giáo Dục An Đông và công ty TNHH 1 TV In Chuyên Dùng thì:

- + So với năm 2011, doanh thu năm 2012 là 263,40 tỷ đồng, tăng 43,93 tỷ đồng tức tăng 20,02% và lợi nhuận tăng là 2,85 tỷ đồng tương ứng tăng 22,28%.
- + Nếu so với kế hoạch năm 2012 thì doanh thu tăng là 48,4 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 22,51% và lợi nhuận tăng là 2,66 tỷ đồng và tỷ lệ tăng là 20,49%.

2. Tình hình tài chính:

a/ Tình hình tài sản: Phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2012/ năm 2011 tương ứng các tỷ lệ đã nêu ở phần trên về năng lực hoạt động của Công ty là:

- + Vòng quay hàng tồn kho 6,1321 vòng/ 5,1754 vòng tức là vòng quay hàng tồn kho năm 2012 nhanh hơn vòng quay năm 2011 và từ đó làm giảm thiểu chi phí sử dụng vốn cho hàng tồn kho, giảm thiểu diện tích kho sử dụng để lưu trữ hàng.
- + Hệ số doanh thu thuần/ tổng tài sản là 1,8634 so với 1,8571 tức là 1 đồng tài sản năm 2012 bỏ ra thu được 1,8634 đồng doanh thu thuần và năm 2011 cũng bỏ ra 1 đồng tài sản nhưng thu lại được là 1,8571 đồng doanh thu thuần, tức năm 2012 đã sử dụng 1 đồng tài sản có hiệu quả hơn năm 2011.

b/ Tình hình nợ phải trả: Trong phần chỉ tiêu về cơ cấu vốn thì hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2012 là 0,5491, tức là nguồn vốn của Công ty đủ sức để trang trải mọi khoản nợ và đảm bảo an toàn so với hệ số 1 là hệ số dùng để đối chiếu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công nhân viên trong công ty đoàn kết, nhiệt tình, triệt để tiết kiệm, giảm chi phí để tăng hiệu quả.
- Công ty có đội ngũ công nhân lành nghề nên sản phẩm làm ra đảm bảo chất lượng và giữ vững thương hiệu.
- Lãnh đạo công ty đánh giá tốt tình hình, đồng thời theo dõi sát tiến độ sản xuất kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót.
- Lãnh đạo công ty mạnh dạn quyết định tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, giảm công lao động, nhưng năng suất vẫn tăng.
- Tăng cường công tác quản trị và giám sát tài chính, kiểm quỹ thường xuyên mỗi ngày để tránh những điều đáng tiếc có thể xảy ra, tích cực thu hồi công nợ, thu tiền bán hàng nhanh để giảm chi phí và kịp thời cung ứng vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục khắc phục và hoàn thiện dần mô hình bán hàng theo dạng mở và gia tăng bán lẻ, phục vụ khách hàng nhanh, gọn và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tập trung phát triển thiết bị giáo dục nhà trẻ, mẫu giáo.
- Liên kết, mở rộng mua bán với nhiều công ty và nhiều đối tượng.
- Sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm kỹ thuật cao dùng trong trường chuyên THPT, cao đẳng và dạy nghề.
- Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ hỗ trợ như: Hướng dẫn tập huấn sử dụng thiết bị; sửa chữa, bảo hành, bảo trì máy móc thiết bị; gia công, lắp đặt,....
- Tăng cường công tác quản lý và tiếp thị, quảng bá sản phẩm, thương hiệu của Công ty đến khách hàng bằng nhiều hình thức như :
 - + Cũng cố và tăng cường tiện ích website của công ty để quảng bá đến với nhiều khách hàng hơn.
 - + Quảng cáo trên báo, đài, các chương trình tài trợ,...
 - + Tiếp thị trực tiếp đến các trường học, phòng giáo dục.
 - + Tham gia các chương trình : hội chợ, triển lãm, trưng bày tại các hội nghị của Ngành.
 - + Tổ chức các chương trình giảm giá trong mùa khai giảng năm học.
 - + Nêu cao tinh thần phục vụ khách hàng : ân cần – niềm nở - chu đáo.
- Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với những khách hàng thân thiết sẵn có.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:
 - _ Nội bộ CB-CNV trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao, tạo thành sức mạnh để cùng tiến trong sản xuất, kinh doanh.
 - _ Thực hiện nội quy, kỷ luật nội bộ tốt giúp giải quyết công việc hiệu quả và nhanh chóng.
 - _ Tinh thần làm việc với ý thức trách nhiệm cao nên công việc được giải quyết với chất lượng tốt.
 - _ Tổng kết cả năm, Công ty đã đạt được thành tích cao, vượt các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận cả về kế hoạch đã đề ra lẫn so với cùng kỳ năm trước.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:
 - _ Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc đã nghiêm chỉnh thực hiện các chiến lược kinh doanh do Hội đồng quản trị đã đề ra.
 - _ Khi gặp vướng mắc trong điều hành, Tổng Giám đốc xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết công việc.
 - _ Quan hệ giữa chỉ đạo của Hội đồng quản trị và điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc hài hòa và ăn ý, giúp cho công việc trong công ty được giải quyết nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:
 - _ Ổn định tổ chức, sắp xếp bộ máy và củng cố nhân sự, đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu.
 - _ Duy trì và cải tiến sản phẩm để chất lượng sản phẩm ngày càng cao.
 - _ Đẩy mạnh phát triển thiết bị giáo dục nhà trẻ, mẫu giáo.

- _ Sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm kỹ thuật cao dùng trong trường chuyên THPT, cao đẳng và dạy nghề.
- _ Chú trọng tăng cường phát triển kinh doanh các mặt hàng chủ lực của Công ty như: sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị do Công ty sản xuất và phát triển các dịch vụ phục vụ cho giáo dục như: lắp đặt, bảo hành, bảo trì thiết bị; đào tạo, hướng dẫn chuyên môn về quản lý thiết bị, ...
- _ Trang bị bổ sung máy móc cho các xí nghiệp để cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.
- _ Sửa chữa, chỉnh trang xí nghiệp Đồ dùng dạy học tại 122 Phan Văn Trị quận Phú Nhuận TP. Hồ Chí Minh.
- _ Tiếp tục duy trì tốt hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 trong khối hành chính và kinh doanh. Tiến tới xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cho các xí nghiệp sản xuất.
- _ Chỉ tiêu kế hoạch KD – SX năm 2013:

Đơn vị tính : Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013
DOANH THU	225,00
LỢI NHUẬN	13,50

- _ Đề nghị mức cổ tức năm 2013 là 15%/năm.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM gồm có 5 người: 01 Chủ tịch và 04 Ủy viên. Trong đó có 01 Ủy viên độc lập không tham gia điều hành trong Công ty.

STT	Họ và tên	Cơ cấu trong Hội đồng quản trị	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Ô. Từ Văn Sơn	Chủ tịch	26.930	0,48
2	Ô. Xà Thiệu Hoàng	Ủy viên	3.600	0,06
3	Ô. Ngô Trần Vinh	Ủy viên	8.350	0,15
4	Ô. Lê Kế Đức	Ủy viên	9.110	0,16
5	Ô. Trần Văn Hưng	Ủy viên	8.000	0,14

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định tại điều 108 của luật Doanh Nghiệp, ngoài ra phân công nhau để phụ trách và chỉ đạo các mảng hoạt động của Công ty, đưa ra các phương hướng, chiến lược kinh doanh có hiệu quả cho phù hợp với điều kiện thực tế tại các thời điểm và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Từ Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	06	100%	Không có
2	Ông Lê Kế Đức	Ủy viên HĐQT - Phó TGD	06	100%	Không có
3	Ông Ngô Trần Vinh	Ủy viên HĐQT - Phó TGD	06	100%	Không có
4	Ông Huỳnh Bá Vân	Ủy viên HĐQT	01	100%	Không có
5	Ông Xà Thiệu Hoàng	Ủy viên HĐQT	06	100%	Không có
6	Ông Trần Văn Hưng	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng	05	100%	Không có

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2012:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT/2012	20/03/2012	Biểu quyết thông qua các vấn đề sau: + Báo cáo kết quả SXKD năm 2011. + Kế hoạch SXKD năm 2012. + Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011. + Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký. + Chọn công ty kiểm toán. + Thực hiện chế độ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty. + Đơn giá tiền lương năm 2012. + Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2015.
2	02/NQHĐQT/2012	26/03/2012	Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT
3	03/NQHĐQT/2012	26/03/2012	Phân công Ban Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2012 - 2015.
4	04/NQHĐQT/2012	20/04/2012	+ Thông qua kết quả SXKD 5 tháng đầu năm 2012, Lợi nhuận trước thuế đạt 157,69% so cùng kỳ Năm 2011. + Chấp thuận cho ông Nguyễn Văn thức, Giám đốc công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng nghỉ hưu theo chế độ. Đồng thời, cử ông Trần Văn Hưng, Kế toán trưởng làm đại diện phần vốn Công ty tại công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng.
5	05/NQHĐQT/2012	28/08/2012	+ Thông qua kết quả SXKD 7 tháng đầu năm 2012, doanh thu đạt 116,76 tỷ đồng tức 110,25% so với năm 2011. Lợi nhuận trước thuế là 6,15 tỷ đồng đạt 145,56% so với cùng kỳ năm 2011. + Đồng ý xây dựng một phân xưởng mộc,

6	06/NQHĐQT/2012	08/10/2012	<p>chuyên sản xuất trang thiết bị nội thất nhà trường, đồ chơi trẻ em bằng gỗ. Phân xưởng mộc thuộc Xí nghiệp Thiết Bị Trường Học, đặt tại địa chỉ: Lô CN3, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương</p> <p>+ Thông qua kết quả kinh doanh-sản xuất 9 tháng đầu năm 2012 với các số liệu chủ yếu như sau: Doanh thu 172,35 tỉ đồng, đạt 109,17% so với cùng kỳ năm 2011. Lợi nhuận trước thuế: 10,69 tỉ đồng, đạt 123,30% so với cùng kỳ năm 2011.</p> <p>+ Đồng ý tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 với tỷ lệ là 8%/mệnh giá 10.000 đồng (tức 800 đồng/cổ phiếu).</p>
7	07/NQHĐQT/2012	25/10/2012	<p>+ Thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất tại công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng thành trường Mẫu giáo-Tiểu học và HĐQT sẽ lập đề án trình lấy ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.</p> <p>+ Thông qua duyệt đơn giá tiền lương năm 2012 của khối in gia công là 90đ/100đ lợi nhuận trước thuế (chi phí chưa có lương và thù lao của Hội đồng Thành viên).</p>
STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT/2012	20/03/2012	<p>Biểu quyết thông qua các vấn đề sau: + Báo cáo kết quả SXKD năm 2011. + Kế hoạch SXKD năm 2012. + Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011. + Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký. + Chọn công ty kiểm toán. + Thực hiện chế độ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty. + Đơn giá tiền lương năm 2012. + Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2015.</p>
2	02/NQHĐQT/2012	26/03/2012	Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT
3	03/NQHĐQT/2012	26/03/2012	Phân công Ban Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2012 - 2015.
4	04/NQHĐQT/2012	20/04/2012	<p>+ Thông qua kết quả SXKD 5 tháng đầu năm 2012, Lợi nhuận trước thuế đạt 157,69% so cùng kỳ Năm 2011. + Chấp thuận cho ông Nguyễn Văn thức, Giám đốc công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng nghỉ hưu theo chế độ. Đồng thời, cử ông Trần Văn Hưng, Kế toán trưởng làm đại diện phần vốn Công ty tại</p>

5	05/NQHĐQT/2012	28/08/2012	<p>công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng.</p> <p>+ Thông qua kết quả SXKD 7 tháng đầu năm 2012, doanh thu đạt 116,76 tỷ đồng tức 110,25% so với năm 2011. Lợi nhuận trước thuế là 6,15 tỷ đồng đạt 145,56% so với cùng kỳ năm 2011.</p> <p>+ Đồng ý xây dựng một phân xưởng mộc, chuyên sản xuất trang thiết bị nội thất nhà trường, đồ chơi trẻ em bằng gỗ.</p> <p>Phân xưởng mộc thuộc Xí nghiệp Thiết Bị Trường Học, đặt tại địa chỉ: Lô CN3, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương</p>
6	06/NQHĐQT/2012	08/10/2012	<p>+ Thông qua kết quả kinh doanh-sản xuất 9 tháng đầu năm 2012 với các số liệu chủ yếu như sau: Doanh thu 172,35 tỉ đồng, đạt 109,17% so với cùng kỳ năm 2011.</p> <p>Lợi nhuận trước thuế: 10,69 tỉ đồng, đạt 123,30% so với cùng kỳ năm 2011.</p> <p>+ Đồng ý tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 với tỷ lệ là 8%/mệnh giá 10.000 đồng (tức 800 đồng/cổ phiếu).</p>
7	07/NQHĐQT/2012	25/10/2012	<p>+ Thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất tại công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng thành trường Mẫu giáo-Tiểu học và HĐQT sẽ lập đề án trình lấy ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.</p> <p>+ Thông qua duyệt đơn giá tiền lương năm 2012 của khối in gia công là 90đ/100đ lợi nhuận trước thuế (chi phí chưa có lương và thù lao của Hội đồng Thành viên).</p>

d/ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập không trực tiếp tham gia điều hành tại Công ty nhưng cũng hỗ trợ từ xa như:

- _ Phụ trách các mối quan hệ với công ty mẹ.
- _ Phát triển kinh doanh thiết bị giáo dục tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ.
- _ Mở rộng xuất bản các mặt hàng sách của Công ty.

e/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f/ Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a/ Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát: Gồm có 03 người, Trưởng Ban là thành viên độc lập không phải là CNV trong Công ty và 02 thành viên còn lại là CNV trong Công ty.

STT	Họ và tên	Cơ cấu trong Ban Kiểm soát	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Ô. Trần Lê Quang	Trưởng Ban	-	-
2	B. Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên	4.000	0,07
3	B. Phạm Nhật Quyên	Thành viên	1.800	0,03

b/ Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát hoạt động theo điều 123 của luật Doanh Nghiệp, chủ yếu giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty, ...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
1	Từ Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	175.902.200	119.500.000	73.400.000
2	Huỳnh Bá Vân	Nguyên Ủy viên Hội đồng quản trị		5.000.000	44.700.000
3	Xà Thiệu Hoàng	Ủy viên Hội đồng quản trị		5.000.000	48.700.000
4	Lê Kế Đức	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	143.796.600	60.000.000	48.700.000
5	Ngô Trần Vinh	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	148.741.100	60.000.000	48.700.000
6	Trần Văn Hưng	Ủy viên HĐQT, thư ký kiêm KTT	156.259.100	61.500.000	39.900.000
7	Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	146.176.200	60.000.000	
8	Đỗ Thành Lâm	Nguyên Trưởng Ban Kiểm soát			35.900.000
9	Trần Lê Quang	Trưởng Ban Kiểm soát			3.200.000
10	Trần Thị Quỳnh Châu	Nguyên thành viên Ban Kiểm soát	89.905.900	1.500.000	26.900.000
11	Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên Ban Kiểm soát	68.653.900	1.500.000	2.400.000
12	Phạm Nhật Quyên	Thành viên Ban Kiểm soát	49.663.900	1.277.000	29.300.000
13	Đình Thu Hà	Thư ký Hội đồng quản trị	129.371.600	34.000.000	29.300.000

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Các đơn vị nghiêm chỉnh thực hiện và đó cũng là một trong các nguyên nhân giúp Công ty đạt được hiệu quả tốt trong năm 2012 trong điều kiện rất khó khăn của Công ty và toàn xã hội.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Số: 234/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Cổ đông

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15/03/2013 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Trọng Hiếu

Trần Thị Nở

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0391/k

Chứng chỉ KTV số 1135/k

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi
bổ sung của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.187.593.976	72.415.305.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.185.426.481	12.942.756.222
1. Tiền	111	5	2.790.780.545	12.942.756.222
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.394.645.936	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		42.963.763.490	26.159.318.505
1. Phải thu của khách hàng	131		42.564.346.729	25.621.747.845
2. Trả trước cho người bán	132		681.754.582	348.758.007
3. Các khoản phải thu khác	135	6	166.097.857	508.002.515
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(448.435.678)	(319.189.862)
IV. Hàng tồn kho	140		30.326.102.153	32.478.912.364
1. Hàng tồn kho	141	8	31.112.755.499	32.803.625.008
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(786.653.346)	(324.712.644)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		712.301.852	834.318.330
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	384.341.204	603.308.758
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		217.303.589	163.038.643
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	11.782.073	4.082.929
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	98.874.986	63.888.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			46.938.238.742	45.292.422.762
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.247.668.652	28.784.006.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	26.797.005.109	26.858.199.150
- Nguyên giá	222		42.253.479.130	40.328.531.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.456.474.021)	(13.470.332.042)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		167.790.500	167.790.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.790.500)	(167.790.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	2.450.663.543	1.925.807.077
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	593.000.000	593.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		593.000.000	593.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.097.570.090	15.915.416.535
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	17.038.017.210	15.915.416.535
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		49.552.880	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	17	10.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.125.832.718	117.707.728.183

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. Nợ phải trả	300		48.621.039.392	26.889.949.163
I. Nợ ngắn hạn	310		47.768.861.708	25.955.474.574
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	16.084.300.000	3.914.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		14.402.038.425	11.501.169.033
3. Người mua trả tiền trước	313		438.933.815	464.597.112
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	1.148.634.366	1.029.219.717
5. Phải trả người lao động	315		8.908.687.580	4.849.893.081
6. Chi phí phải trả	316	20	1.711.292.310	977.870.168
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	2.480.307.395	2.094.388.439
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.594.667.817	1.124.337.024
II. Nợ dài hạn	330		852.177.684	934.474.589
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			231.827.397
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		852.177.684	702.647.192
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.549.969.661	89.247.689.974
I. Vốn chủ sở hữu	410		88.549.969.661	89.247.689.974
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	12.325.320.000	12.325.320.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	22	3.029.882.231	2.352.678.643
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.275.267.777)	(3.275.267.777)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.584.205
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	12.427.525.621	11.587.864.435
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	2.514.573.911	1.874.518.505
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420	22	4.872.635.675	7.725.691.963
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2.954.823.665	1.570.089.046
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		140.125.832.718	117.707.728.183

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại	USD	675,35	68.525,66

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B02-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi

bổ sung của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	263.667.800.777	221.047.919.688
2. Các khoản giảm trừ	02	23	2.563.173.863	2.447.661.986
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	23	261.104.626.914	218.600.257.702
4. Giá vốn hàng bán	11	24	192.562.577.219	166.975.681.066
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		68.542.049.695	51.624.576.636
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.684.385.643	610.879.052
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	26	4.526.579.145	2.515.980.472
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	23		<i>2.115.409.934</i>	<i>978.015.971</i>
8. Chi phí bán hàng	24		20.476.962.736	18.317.037.136
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.091.102.453	18.245.337.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.131.791.004	13.157.100.962
11. Thu nhập khác	31	27	614.507.842	262.072.279
12. Chi phí khác	32	28	1.081.951.610	604.796.482
13. Lợi nhuận khác	40		(467.443.768)	(342.724.203)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	15.664.347.236	12.814.376.759
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.310.991.850	1.553.240.424
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(49.552.880)	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	14.402.908.266	11.261.136.335
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	29	413.328.476	100.089.046
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	29	13.989.579.790	11.161.047.289
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.600	2.074

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B03-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi
bổ sung của Bộ trưởng BTC

Chi tiêu	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	255.833.013.676	235.032.224.689
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(201.468.507.656)	(178.169.839.667)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.064.949.369)	(24.558.253.559)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.115.409.934)	(978.015.971)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.357.110.406)	(2.372.341.621)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.914.601.112	2.443.774.084
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.543.934.618)	(14.287.203.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.197.702.805	17.110.344.816
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.801.942.628)	(9.516.377.398)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	14.454.545	27.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	922.690.297	596.895.834
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.864.797.786)	(8.892.027.019)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	1.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	51.430.913.820	10.799.226.789
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39.260.613.820)	(11.068.226.789)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.260.522.500)	(6.728.666.069)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.909.777.500	(6.997.666.069)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.242.682.519	1.220.651.728
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	12.942.756.222	11.727.343.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(12.260)	(5.238.857)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	19.185.426.481	12.942.756.222

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng

- Địa chỉ trụ sở chính: 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con là: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con là: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học Phổ Thông
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 52,77%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 44
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đất đi thuê).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.10 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- **Ù** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- **Ù** Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- **Ù** Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- **Ù** Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- **Thuế Giá trị gia tăng:**
Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

- **Ø** Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số

1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ø Ngoài ra, Công ty mẹ còn được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Công ty mẹ được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (năm 2011 - 2012).

Các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty con (Công ty CP Giáo dục An Đông)

- Ø Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: áp dụng thuế suất 10%;
- Ø Công ty được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Theo đó, Công ty áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến 2013) và giảm trong 5 năm (từ năm 2014 đến 2018).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	243.811.584	261.744.064
Tiền gửi ngân hàng	2.546.968.961	12.681.012.158
Các khoản tương đương tiền	16.394.645.936	-
Cộng	19.185.426.481	12.942.756.222

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	505.292.562
Phải thu người lao động	88.636.713	-
Phải thu khác	77.461.144	2.709.953
Cộng	166.097.857	508.002.515

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	170.984.789	151.677.100
Cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	114.717.225	36.146.755
Cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	162.733.664	131.366.007
Cộng	448.435.678	319.189.862

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.504.897.488	7.870.643.040
Công cụ dụng cụ	80.073.283	66.860.375
Chi phí SXKD dở dang	2.644.600.889	1.566.445.687
Thành phẩm	4.643.253.455	7.707.601.375
Hàng hóa	16.239.930.384	15.592.074.531
Cộng	31.112.755.499	32.803.625.008

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	144.225.405	113.149.006
Chi phí sửa chữa phân bổ ngắn hạn		480.559.752
Chi phí trả trước khác	240.115.799	9.600.000
Cộng	384.341.204	603.308.758

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	11.782.073	4.082.929
Cộng	11.782.073	4.082.929

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	98.874.986	63.888.000
Cộng	98.874.986	63.888.000

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.679.755.129	8.831.987.628	3.347.099.831	1.469.688.604	40.328.531.192
Mua trong năm	-	816.398.200	-	1.198.517.156	2.014.915.356
Thanh lý, bán	-	10.712.300	-	79.255.118	89.967.418
Số cuối năm	26.679.755.129	9.637.673.528	3.347.099.831	2.588.950.642	42.253.479.130
Khấu hao					
Số đầu năm	5.343.892.953	5.539.742.447	1.795.837.804	790.858.838	13.470.332.042
Khấu hao trong năm	704.445.216	827.069.957	269.057.580	273.187.923	2.073.760.676
T/ly, nhượng bán	-	10.712.300	-	76.906.397	87.618.697
Số cuối năm	6.048.338.169	6.356.100.104	2.064.895.384	987.140.364	15.456.474.021
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.335.862.176	3.292.245.181	1.551.262.027	678.829.766	26.858.199.150
Số cuối năm	20.631.416.960	3.281.573.424	1.282.204.447	1.601.810.278	26.797.005.109

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là: 5.341.393.431 đồng.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2012: 3.388.039.519 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán với nguyên giá: 167.790.500 đồng và đã khấu hao hết.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cải tạo nhà 223 Nguyễn Tri Phương	-	1.884.897.986
Khu nội trú	663.636.271	40.909.091
Công trình xây dựng xưởng mộc KCN Sóng Thần	1.787.027.272	-
Cộng	<u>2.450.663.543</u>	<u>1.925.807.077</u>

15. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty CP sách Giáo dục Tây Ninh	1.000	103.000.000	1.000	103.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Gia Định	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
Cộng		<u>593.000.000</u>		<u>593.000.000</u>

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2012 của các Công ty trên. Do các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị ghi nhận khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị của khoản đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.881.936.363	1.307.082.878
Sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	359.523.326	40.022.895
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	2.152.813.628	2.525.200.207
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	209.426.560	517.053.815
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	12.346.751	27.162.851
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	2.199.041.192	1.041.017.841
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (a)	8.334.736.443	8.524.162.275
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Tân Tạo (b)	1.863.314.525	1.911.922.733
Chi phí khác	24.878.422	21.791.040
Cộng	17.038.017.210	15.915.416.535

(a): Thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

(b): Thuê 2.575 m² đất ở KCN Tân Tạo Thành Phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 20/03/2001 đến 17/06/2047.

17. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	-
Cộng	10.000.000	-

18. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	16.084.300.000	3.914.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	-	347.000.000
- Vay cá nhân	16.084.300.000	3.567.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	16.084.300.000	3.914.000.000

19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	559.430.565	363.769.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	431.733.016	470.152.428
Thuế thu nhập cá nhân	157.470.785	195.298.182
Cộng	<u>1.148.634.366</u>	<u>1.029.219.717</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí chiết khấu thanh toán nhanh	1.481.817.310	187.453.113
Chi phí học tập ngoại khóa cho học sinh, giáo viên	164.475.000	790.417.055
Các khoản trích trước khác	65.000.000	-
Cộng	<u>1.711.292.310</u>	<u>977.870.168</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	536.734.525	351.657.162
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	31.518.317	2.324.818
Phải trả về Cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	350.413.432	310.772.932
Các khoản phải trả, phải nộp khác	837.870.121	705.862.527
- <i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>632.966.472</i>	<i>345.100.000</i>
- <i>Thuế thu nhập cá nhân tạm thu</i>	<i>15.597.037</i>	<i>135.420.497</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>189.306.612</i>	<i>225.342.030</i>
Cộng	<u>2.480.307.395</u>	<u>2.094.388.439</u>

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2011	56.655.300.000	12.325.320.000	1.845.562.255	10.619.105.350	1.375.716.000	60.671.820
Tăng trong năm	-	-	507.116.388	968.759.085	498.802.505	11.161.047.289
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	3.496.027.146
Số dư tại 31/12/2011	56.655.300.000	12.325.320.000	2.352.678.643	11.587.864.435	1.874.518.505	7.725.691.963
Số dư tại 01/01/2012	56.655.300.000	12.325.320.000	2.352.678.643	11.587.864.435	1.874.518.505	7.725.691.963
Tăng trong năm	-	-	677.203.588	839.661.186	640.055.406	13.989.579.790
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	16.842.636.078
Số dư tại 31/12/2012	56.655.300.000	12.325.320.000	3.029.882.231	12.427.525.621	2.514.573.911	4.872.635.675

Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.

b. Cổ phiếu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	284.500	284.500
- Cổ phiếu thường	284.500	284.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu thường	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	7.725.691.963	60.671.820
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	13.989.579.790	11.161.047.289
Điều chỉnh lợi nhuận khi hợp nhất	-	-
Phân phối lợi nhuận	16.842.636.078	3.496.027.146
- Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ ĐT phát triển	831.223.267	960.445.202
- Trích quỹ đầu tư phát triển	8.437.919	8.313.883
- Trích quỹ dự phòng tài chính	640.055.406	498.802.505
- Trích quỹ dự trữ	677.203.588	507.116.388
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.737.059.573	1.014.232.780
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	648.493.325	507.116.388
- Chia cổ tức	11.300.163.000	-
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số		
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	4.872.635.675	7.725.691.963

23. Doanh thu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu	263.667.800.777	221.047.919.688
- Doanh thu bán sách và sản phẩm in	100.348.808.446	93.707.063.663
- Doanh thiết bị giáo dục	149.360.273.264	121.555.762.660
- Doanh thu hoạt động dạy học	12.853.214.830	5.114.525.182
- Doanh thu khác	1.105.504.237	670.568.183
Các khoản giảm trừ	2.563.173.863	2.447.661.986
- Giảm giá hàng bán	-	17.205.019
- Hàng bán bị trả lại	2.563.173.863	2.430.456.967
Cộng	261.104.626.914	218.600.257.702

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	81.377.168.492	77.307.628.062
Giá vốn thiết bị giáo dục	103.431.965.761	86.144.706.512
Giá vốn hoạt động dạy học	6.917.102.085	2.931.673.494
Giá vốn khác	374.400.179	410.063.566
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	461.940.702	181.609.432
Cộng	192.562.577.219	166.975.681.066

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	861.690.297	549.087.834
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	61.000.000	47.808.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	761.695.346	13.983.218
Cộng	1.684.385.643	610.879.052

26. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.115.409.934	978.015.971
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.411.169.211	1.537.964.501
Cộng	4.526.579.145	2.515.980.472

27. Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Bán thanh lý tài sản cố định	14.454.545	27.454.545
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	293.174.257	60.913.045
Bán thanh lý vật tư, phế liệu	42.600.969	94.392.090
In sang gia công	2.233.331	-
Vận chuyển sách pokemon, an toàn giao thông	4.318.181	5.863.636
Kết chuyển quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	230.957.280	-
Thu nhập khác	26.769.279	73.448.963
Cộng	614.507.842	262.072.279

28. Chi phí khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý, GTCL của TSCĐ thanh lý	2.348.721	18.777.777
Xuất vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	774.986.626	500.734.866
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	298.342.582	80.443.839
Chi nộp phạt thuế	2.306.314	-
Chi phí khác	3.967.367	4.840.000
Cộng	1.081.951.610	604.796.482

29. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.664.347.236	12.814.376.759
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	2.378.380.762	7.507.860.817
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	11.742.376.634	4.728.433.266
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.543.589.840	578.082.676
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	326.340.802	127.892.800
- Các khoản điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	388.912.747	175.700.800
+ Chi phí không hợp lệ	188.394.911	175.700.800
+ Chi phí phạt thuế	2.306.314	-
+ Lợi nhuận chưa thực hiện	198.211.522	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	62.571.945	47.808.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.000.000	47.808.000
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.571.945	-
Tổng thu nhập chịu thuế	15.990.688.038	12.942.269.559
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	2.755.987.195	7.683.561.617
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	11.742.376.634	4.728.433.266
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.492.324.209	530.274.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	2.229.975.778	2.526.302.399
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	682.657.088	1.920.890.404
+ Hoạt động SX cho ngành nghề xã hội hóa	1.174.237.663	472.843.326
+ Hoạt động khác không được ưu đãi	373.081.027	132.568.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	928.601.794	973.061.975
- Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm tại Công ty mẹ	831.223.267	960.445.202
- Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm tại Công ty con	97.378.527	12.616.773
Chi phí thuế thu nhập DN	1.310.991.850	1.553.240.424
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành phát sinh năm nay	1.301.373.984	1.553.240.424
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào năm nay	9.617.866	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(49.552.880)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.402.908.266	11.261.136.335
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	413.328.476	100.089.046
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	13.989.579.790	11.161.047.289

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.989.579.790	11.161.047.289
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.989.579.790	11.161.047.289
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.381.030	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.600	2.074

31. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tài sản tài chính	675,35	68.525,66
Nợ phải trả tài chính		-

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát

các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	16.084.300.000	-	16.084.300.000
Phải trả người bán	14.402.038.425	-	14.402.038.425
Chi phí phải trả	1.711.292.310	-	1.711.292.310
Phải trả khác	539.720.044	-	539.720.044
Cộng	32.737.350.779	-	32.737.350.779
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	3.914.000.000	-	3.914.000.000
Phải trả người bán	11.501.169.033	-	11.501.169.033
Chi phí phải trả	977.870.168	-	977.870.168
Phải trả khác	536.114.962	-	536.114.962
Cộng	16.929.154.163	-	16.929.154.163

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	19.185.426.481	-	19.185.426.481
Phải thu khách hàng	42.115.911.051	-	42.115.911.051
Đầu tư tài chính	-	593.000.000	593.000.000
Phải thu khác	77.461.144	-	77.461.144
Tài sản tài chính khác	-	10.000.000	10.000.000
Cộng	61.378.798.676	603.000.000	61.981.798.676
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	12.942.756.222	-	12.942.756.222
Phải thu khách hàng	25.302.557.983	-	25.302.557.983
Đầu tư tài chính	-	593.000.000	593.000.000
Phải thu khác	508.002.515	-	508.002.515
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	38.753.316.720	593.000.000	39.346.316.720

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể

(bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty hoạt động trong bộ phận địa lý chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Năm 2012	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	12.853.214.830	149.360.273.264	101.454.312.683	263.667.800.777
Giá vốn hàng bán	6.917.102.085	103.431.965.761	82.213.509.373	192.562.577.219
Chi phí bán hàng	-	-	-	20.476.962.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	29.091.102.453
<u>Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2012</u>				
Phải thu của khách hàng				42.564.346.729
- <i>Phải thu khách hàng phân bổ</i>	796.974.545	39.383.535.258	1.209.920.962	41.390.430.765
- <i>Phải thu khách hàng không phân bổ</i>	-	-	-	1.173.915.964
Hàng tồn kho				31.112.755.499
- <i>Hàng tồn kho phân bổ</i>	-	26.562.827.166	4.289.928.062	30.852.755.228
- <i>Hàng tồn kho không phân bổ</i>	-	-	-	260.000.271
Tài sản cố định hữu hình				26.797.005.109
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.796.539.392	18.557.741.722	1.417.522.974	21.771.804.088
+ <i>Nguyên giá</i>	2.274.083.900	23.983.225.841	5.950.529.228	32.207.838.969
+ <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(477.544.508)	(5.425.484.119)	(4.533.006.254)	(10.436.034.881)
- Tài sản cố định HH không phân bổ				5.025.201.021
+ <i>Nguyên giá</i>	-	-	-	9.695.415.161
+ <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	-	-	-	(4.670.214.140)
Tài sản khác không phân bổ				39.651.725.381
Tổng Tài sản				140.125.832.718
Phải trả người bán				14.402.038.425
- <i>Phải trả cho người bán phân bổ</i>	-	9.561.507.383	3.858.157.283	13.419.664.666
- <i>Phải trả người bán không phân bổ</i>	-	-	-	982.373.759
Nợ phải trả không phân bổ				34.219.000.967
Tổng Nợ phải trả				48.621.039.392

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.222.934.760	55.939.420.717
Chi phí nhân công	36.503.716.231	24.712.005.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.073.760.676	1.466.379.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.547.328.427	12.937.437.950
Chi phí khác bằng tiền	6.616.713.780	6.663.198.839
Cộng	133.964.453.874	101.718.442.461

34. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Chung nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Học Liệu	Chung nhà đầu tư
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan gồm

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2011</u> <u>VND</u>
Bán hàng			
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Sách GK, thiết bị, băng đĩa	2.992.458.306	922.242.652
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Mua sách, thiết bị	512.349.691	-
Công ty Cổ phần Học Liệu	Mua thiết bị	-	20.815.030
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Mua thiết bị	869.042.866	713.903.570
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Mua sách, t/bị, đĩa, d/vụ in	1.668.908.624	-
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Dịch vụ in	1.639.283.877	161.292.240
Mua hàng			
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Phí quản lý xuất bản	193.943.500	-
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	40.560.476.580	39.315.543.386
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Cung ứng sách tham khảo	1.068.325.460	982.338.433
Công ty Cổ phần Học Liệu	Cung ứng băng đĩa giáo dục	280.614.000	232.516.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo, văn hoá phẩm, dịch vụ in	23.074.966.968	21.498.248.813

c. Các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>31/12/2012</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
Phải thu			
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	266.339.089	376.190.662
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải thu khách hàng	793.961.640	-
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Phải thu khách hàng	-	77.675.107
Phải trả			
Công ty Cổ phần Học Liệu	Phải trả người bán	123.014.329	131.694.329
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	Phải trả người bán	647.462.306	313.039.243
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sách Giáo dục Thành phố HCM	Phải trả người bán	219.022.929	232.335.251
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Phải trả người bán	112.000.000	-

35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- Ü Hợp đồng thuê đất số 132/HĐ-TLĐ/KD-01 ngày 20/03/2001 về việc thuê 2.575 m² đất ở KCN Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 20/03/2001 đến 31/12/2047;
- Ü Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- Ü Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- Ü Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- Ü Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- Ü Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố HCM về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

**Từ Văn Sơn
Hạnh**

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của
Công ty,**